

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2019/DS-PT
Ngày: 11/10/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2019/TLPT-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 116A/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 366/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1976;

1.2. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1994; địa chỉ: 11/5, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/3/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Phan Duy V; Luật sư Tô Vĩnh H - Công ty Luật TNHH Thiện Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1939;

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1927;

3.2. Chị Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1972;

3.3. Chị Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số 37, đường Nguyễn Phúc Chu, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do anh Nguyễn Thanh L đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông ngoại của anh P và chị K là cụ Võ Văn C có 20.000m² đất lúa, năm 1981 ông C có làm di chúc để lại cho 04 người con là Võ Thị B, Võ Văn N, Võ Văn T2 và Võ Thị D, mỗi người 5.000m². Khi chết 04 người con tự thỏa thuận chia đất theo di chúc.

Sau khi chia thừa kế, thì năm 2001 ông N và ông T2 đã chuyển nhượng lại cho anh P và chị K diện tích 7.000m² (trong đó ông T2 5.000m², ông N 2.000m²). Anh P và chị K đã giao đủ tiền cho ông T2 và ông N và hai ông cũng đã giao đất cho anh P và chị K, vị trí: Đông giáp ranh với đất bà Võ Thị B; Tây giáp với đất bà D; Nam giáp với đất ông Nguyễn Văn L1 và Bắc giáp sông Mương Chùa.

Năm 2003, khi Nhà nước có chủ trương kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, thì anh P và chị K yêu cầu được đăng ký đối với diện tích 7.000m² đã nhận chuyển nhượng của ông N và ông T, nhưng bà D nói “Vợ chồng anh P, chị K là con út, lại sống chung với cha, mẹ nên để bà D đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 28/11/2003 Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp quyền sử dụng cho bà D với diện tích 17.630m² (trong đó có 5.000m² bà D thừa kế của ông C; 7.000m² của anh P, chị K nhận chuyển nhượng của ông N và ông T2 năm 2001; 5.300m² đất hương quả gắn liền với căn nhà. Mặc dù bà D đứng tên quyền sử dụng nhưng thực tế đều do anh P, chị K trực tiếp quản lý sử dụng từ trước cho đến nay, vì bà D và ông Pháo đã lớn tuổi không còn khả năng lao động.

Bà D đã lợi dụng việc là chủ hộ, đứng tên quyền sử dụng nên đã lén lút anh P, chị K lập hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất 17.630m² cho anh

Nguyễn Bá T vào ngày 06/11/2013 mà anh P, chị K không biết, hợp đồng tặng cho anh P và chị K không có ký tên.

Sau khi được tặng cho quyền sử dụng thì anh T thực hiện việc kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương đương với 17.630m². Lúc này anh P và chị K mới phát hiện đất tranh chấp bà D tặng cho anh T.

Nay anh P và chị K yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 1535/SCC quyền số 01VPCC/HĐ-GD/2013 giữa hộ bà Võ Thị D với ông Nguyễn Bá T lập ngày 06/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp là vô hiệu. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa: Thửa 940 diện tích 951m²; thửa 975 diện tích 2.949m²; thửa 1026 diện tích 1.560m²; thửa 1035 diện tích 1.564m²; thửa 1100 diện tích 1.051m²; thửa 1192 diện tích 3.412m²; thửa 933 diện tích 907m²; thửa 1397 diện tích 1721m² và thửa 901 diện tích 3.515m², cùng tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho anh Nguyễn Bá T ngày 13/12/2013. Buộc bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng anh P, chị K diện tích đất 7.000m² (nhận chuyển nhượng từ ông N và ông T2) thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, cùng tờ bản đồ số 04, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn bà Võ Thị D trình bày:

Bà là người thừa kế đất đai nhà cửa của cụ C, sau khi cụ C chết thì bà D đến Ủy ban nhân dân xã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/02/1989 và đến ngày 17/12/1993 thì bà D được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất với diện tích 17.900m².

Ngày 19/3/1994, ông Võ Văn N bán phần đất diện tích 2.670m² cho bà Võ Thị D với số tiền 08 chỉ vàng 24kra, có làm giấy tay do ông Võ Văn Bình T3 viết dùm (ông N chết năm 1995);

Ngày 24/4/1998, ông Võ Văn T2 bán đất cho bà D (cả phần đất của ông N và ông T2 mà bà D đứng tên trước đó) diện tích 5.000m² với số vàng là 40 chỉ vàng 24kra (trả lần 1 ngày 24/4/1998, trả lần 2 ngày 24/4/2000), có ông Võ Văn Bình T3 chứng kiến và có làm giấy tay.

Sau khi trả tiền và vàng mua đất xong, bà D gọi các con của bà D về chia đất, cụ thể: Nguyễn Thị Kim D1 diện tích 2.500m² đất ruộng; Nguyễn Bá T diện tích 2.500m² đất ruộng và Nguyễn Bá P diện tích 5.000m² đất ruộng (do anh P ở chung với bà D và ông P1 nên được chiều hơn).

Phần còn lại là của bà D và ông P1, bà D và ông P1 nói vậy nhưng chưa tách quyền sử dụng đất mà đất đã cho thuê hết chứ anh P không có làm.

Năm 2007, anh P mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D đi vay của Ngân hàng với số tiền 300.000.000 đồng ngày 06/9/2011, nhận trước

200.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng một thời gian sau anh P kêu bà D nhận tiếp nhưng bà D không đồng ý.

Đến lúc này thì chị D1, ông P1 và anh T mới hay là bà D đã vay Ngân hàng cho anh P thế chấp quyền sử dụng, vì không nhận thêm 100.000.000 đồng nên anh P cất nhà ra ở riêng. Sau đó, đến ngày đáo hạn Ngân hàng anh P không trả mà yêu cầu bà D vay thêm 01 năm nữa, đến năm 2012 anh P cũng không trả mà ra điều kiện với bà D là cho anh P diện tích 7.000m² thì anh P trả tiền cho Ngân hàng còn không thì để Ngân hàng phát mãi. Bà D và ông P1 yêu cầu anh P trả nhưng không trả và ký vào biên bản hòa giải là nếu không trả tiền cho Ngân hàng thì coi như đã nhận phần đất, sau đó gia đình lo tiền để trả cho Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và bà D đã giao toàn bộ đất đai cho anh T và đến ngày 13/12/2013 anh T được cấp quyền sử dụng. Năm 2014, anh P lấy đất lại làm, bà D và ông P2 thấy anh P thiếu nợ quá nhiều nên đồng ý để cho anh P làm để trả nợ. Hiện nay bà D và ông P1 đã trả hết nợ cho anh P.

Hiện nay anh T đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hoàng T1 diện tích đất ruộng các thửa 901; 933; 940; 975; 1026; 1035 với diện tích 12.910m². Còn các thửa 1100, 1192, 2718 và 2719 chúng tôi đang sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T quản lý, không có thể chấp hay cầm cố cho ai. Nay bà D không đồng ý theo yêu cầu của anh P và chị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng T trình bày: Ngày 08/12/2016, anh nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Bá T diện tích 12.910m² thuộc thửa 901; 933; 940; 975; 1026; 1035 tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp Tây Mỹ, xã Hội, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và anh đã được cấp quyền sử dụng đất. Ngày 02/5/2017, anh T tiến hành giao đất cho anh canh tác, sử dụng có sự chứng kiến của anh Nguyễn Thanh Bình (phó ấp Tây Mỹ), lúc này không có ai ngăn cản hoặc tranh chấp. Đến khi anh chuẩn bị xuống giống vụ Hè thu năm 2017, thì anh P đứng ra ngăn cản và anh có báo chính quyền địa phương.

Tại kết luận số 01/KL-UBND ngày 21/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C thì việc anh nhận chuyển nhượng các thửa đất nói trên của anh T là đúng quy định của pháp luật. Phần đất này hiện anh đang canh tác sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đang quản lý, không cầm có thể chấp cho ai. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của anh P, chị K, vì anh nhận chuyển nhượng hợp pháp từ anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P1, Nguyễn Thị Kim D1 và Nguyễn Bá T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà D, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá P và chị Nguyễn Thị K về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1535/SCC quyền số 01VPCC/HĐ-GD/2013 giữa hộ bà Võ Thị D với ông Nguyễn Bá T lập ngày 06/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp là vô hiệu; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa: 901 diện tích

4.293m²; thửa 933 diện tích 907m²; thửa 940 diện tích 951m²; thửa 975 diện tích 2.949m²; thửa 1026 diện tích 2.246m²; thửa 1035 diện tích 1.563m²; thửa 1100 diện tích 1.051m²; thửa 1192 diện tích 3.412m²; thửa 2718 diện tích 379m² và thửa 2719 diện tích 1.342m² cùng tờ bản đồ số 04; buộc bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng anh P, chị K diện tích đất 7.000m², thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 15.081.500 đồng, anh P và chị K phải liên đới chịu đã nộp và chi xong.

- Về án phí: Anh Nguyễn Bá P và chị Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới chịu 22.480.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.600.000 đồng theo biên lai số 16080 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh P và chị K còn phải nộp tiếp số tiền 12.880.000 đồng.

+ Bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06 tháng 12 năm 2018 chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 116A/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo, không tự thỏa thuận được với bị đơn về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị K đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T2 và ông Ngân bán cho bà D có làm giấy tay, thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đất hiện nay do anh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh P chị K yêu cầu buộc bà Võ

Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 trả lại không được cấp sơ thẩm chấp nhận nên kháng cáo.

[3] Xét việc chị K kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa án sơ thẩm, buộc bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 trả 7.000m² đất, thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, đất tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 1535/SCC quyền số 01VPCC/HĐ-GD/2013 giữa hộ bà Võ Thị D với anh Nguyễn Bá T lập ngày 06/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp là vô hiệu; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc chị K kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và anh T là không có căn cứ. Bởi vì, phần đất này bà D được nhận thừa kế của cha để lại và trực tiếp nhận chuyển nhượng của ông T2, ông Ngân, anh P chị K không có đóng góp công sức tạo ra. Như vậy đất này bà D có quyền tặng cho bất kỳ ai, không cần sự đồng ý của các thành viên trong hộ.

Đối với việc chị K trình bày là nhận chuyển nhượng đất từ ông T2 và ông Ngân nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được bà D, ông Pháo thừa nhận. Tại Tờ nhượng giao đất ngày 19/3/1994 của ông Võ Văn Ngân và Tờ nhượng đất ngày 24/4/1998 của ông Võ Văn Thuận đều ghi bán phần đất trên cho bà Võ Thị D. Và tại Tờ cam kết ngày 26/9/2012, anh Nguyễn Bá P thừa nhận có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D để vay vốn Ngân hàng và hứa trong vòng 06 tháng sẽ trả lại quyền sử dụng đất cho bà D. Mặt khác, tại biên bản về việc giải quyết vụ việc dân sự ngày 15/9/2013 anh P yêu cầu bà D chia 7.000m² đất thì anh P mới trả nợ Ngân hàng, nếu không cho anh P số đất trên thì bà D phải trả nợ cho Ngân hàng, anh P không có gì để khiếu nại. Từ những căn cứ này đủ cơ sở xác định đất tranh chấp là của bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hủy toàn bộ các thửa đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đất tranh chấp chỉ có 7.000m², yêu cầu này là không có cơ sở.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị K, anh P đề nghị Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị K, buộc bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 trả lại cho chị K, anh P 7.000m², thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 1535/SCC quyền số 01VPCC/HĐ-GD/2013 giữa hộ bà Võ Thị D với anh Nguyễn Bá T lập ngày 06/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp là vô hiệu; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T. Xét thấy, đề nghị của luật sư không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết không chấp

nhận kháng cáo của chị K. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, kháng cáo của chị K là không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên án sơ thẩm nên chị K phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 116A/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá P và chị Nguyễn Thị K về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1535/SCC quyền số 01VPCC/HĐ-GD/2013 giữa hộ bà Võ Thị D với ông Nguyễn Bá T lập ngày 06/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp là vô hiệu; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa: 901 diện tích 4.293m²; thửa 933 diện tích 907m²; thửa 940 diện tích 951m²; thửa 975 diện tích 2.949m²; thửa 1026 diện tích 2.246m²; thửa 1035 diện tích 1.563m²; thửa 1100 diện tích 1.051m²; thửa 1192 diện tích 3.412m²; thửa 2718 diện tích 379m² và thửa 2719 diện tích 1.342m² cùng tờ bản đồ số 04; buộc bà Võ Thị D, ông Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Hoàng T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho vợ chồng anh P, chị K diện tích đất 7.000m², thuộc các thửa: 901; 933; 940; 975; 1026; 1035, đất tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Theo sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).*

3. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Bá P và chị Nguyễn Thị K phải liên đới chịu 22.480.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.600.000 đồng theo biên lai số 16080 ngày 04/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh P và chị K còn phải nộp tiếp 12.880.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001191 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 15.081.500 đồng, anh P và chị K phải liên đới chịu. Anh P chị K đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ